



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1101/2026/NQ-ĐHĐCĐ/IDV

Phủ Thọ, ngày 11 tháng 01 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC (VPID)**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 1101/2026/BB-ĐHĐCĐ/IDV ngày 11/01/2026 của Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

Đại Hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc tổ chức tại trụ sở chính của Công ty - KCN Khai Quang, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ ngày 11 tháng 01 năm 2026 đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của HĐQT kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2025, Kế hoạch năm tài chính 2026, với các chỉ tiêu chính đạt được như sau:

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm tài chính 2025 (bắt đầu từ 01/10/2024 kết thúc 30/9/2025):

Đvt: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025		% tăng/giảm	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH2025 /TH2024	TH2025 /KH2025
1	Tổng giá trị tài sản	1.880,04	2.150,0	2.001,18	6,44%	-6,92%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	224,43	224,11	253,26	12,85%	13,01%
3	Lợi nhuận sau thuế	134,16	115,07	130,13	-3,00%	13,09%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	3.011		2.933		
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức:	30%	25%	25%		
	- Bằng tiền	15%	10%	10%		
	- Bằng cổ phiếu	15%	15%	15%		

(Nguồn: BCTC hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán)

2. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm tài chính 2026 (bắt đầu từ 01/10/2025 kết thúc 30/09/2026):

Đvt: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH Năm 2025	KH Năm 2026	%Tăng/ giảm KH2026 /TH2025
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.001,18	2.250 – 2.300	12,43% - 14,93%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	Tỷ đồng	253,26	258,26 – 276,37	1,97% - 9,13%
3	Lợi nhuận sau thuế (LN ròng)	Tỷ đồng	130,13	131,63 – 140,73	1,15% - 8,14%
4	Mức chi trả cổ tức cho các cổ đông:	%	25%	25%	
	- Bằng tiền	%	10%	10%	
	- Bằng cổ phiếu	%	15%	15%	
5	Kinh phí hoạt động và thù lao HĐQT	Tỷ đồng	2,66	2,75	3,23%

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2025 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm tài chính 2026, cụ thể với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2025 (bắt đầu từ 01/10/2025 kết thúc 30/9/2026):

Đvt: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025		% tăng/giảm	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH2025 /TH2024	TH2025 /KH2025
1	Tổng giá trị tài sản	1.880,04	2.150,0	2.001,18	6,44%	-6,92%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	224,43	224,11	253,26	12,85%	13,01%
3	Lợi nhuận sau thuế	134,16	115,07	130,13	-3,00%	13,09%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	3.011		2.933		
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức:	30%	25%	25%		
	- Bằng tiền	15%	10%	10%		
	- Bằng cổ phiếu	15%	15%	15%		

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025		% tăng/giảm	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH2025 /TH2024	TH2025 /KH2025
	- Bằng cổ phiếu	15%	15%	15%		

(Nguồn: BCTC hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán)

2. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm tài chính 2026 (bắt đầu từ 01/10/2025 kết thúc 30/09/2026) gồm các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính

Đvt: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH Năm 2025	KH Năm 2026	%Tăng/ giảm KH2026 /TH2025
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.001,18	2.250 – 2.300	12,43% - 14,93%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	Tỷ đồng	253,26	258,26 – 276,37	1,97% - 9,13%
3	Lợi nhuận sau thuế (LN ròng)	Tỷ đồng	130,13	131,63 – 140,73	1,15% - 8,14%
4	Mức chi trả cổ tức cho các cổ đông:	%	25%	25%	
	- Bằng tiền	%	10%	10%	
	- Bằng cổ phiếu	%	15%	15%	

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2025 đã được kiểm toán tại ngày 30/9/2025.

Điều 4: Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy Ban Kiểm toán.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số: 01/2026/TTr-UBKT ngày 11/01/2026 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm tài chính 2026. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp nhất với điều kiện thực tế của Công ty.

Điều 6: Thông qua Tờ trình số: 01/2026/TTr-HĐQT ngày 11/01/2026 về việc Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2025 và phương án phân phối lợi nhuận sau thuế dự kiến năm tài chính 2026.

Điều 7: Thông qua Tờ trình số: 02/2026/TTr-HĐQT ngày 11/01/2026 về việc mức kinh phí hoạt động của HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT trong năm tài chính 2026: 2.750.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Điều 8: Thông qua Tờ trình số: 03/2026/TTr-HĐQT ngày 11/01/2026 về việc phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025. Theo đó, Đại Hội đồng cổ đông ủy

quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề có liên quan đến việc triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 9: Thông qua Tờ trình số: 04/2026/TTr-HĐQT ngày 11/01/2026 về việc Phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II, xã Sông Lô, tỉnh Phú Thọ

Điều 10: Đại hội đã tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024-2028 với kết quả như sau:

1. Ông/Bà:.....

2. Ông/Bà:.....

Điều 11: Điều khoản thi hành.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 11/01/2026.

Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ tổ chức và hoạt động của Công ty./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- UBCKNN, Sở GDCKHN (B/c);
- TV. HĐQT, UBKT, Ban TGD (T/h);
- Lưu: VP HĐQT, HC.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

